TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **966**/2020/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 10 - 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 708/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị Bích H, sinh năm 1992.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1990.

Đồng trú tại: thôn L, xã P, Tp. Q, tỉnh B.

(Chị H có mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lường Thị Bích H trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu chị và anh Huỳnh Văn C tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Q vào ngày 04/8/2009. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng tại thôn L, xã P, Tp. Q

Đến đầu năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là hai bên sống không hợp, không hiểu nhau; cả hai không quan tâm chia sẻ trong cuộc sống. Vợ chồng sống lạnh nhạt, không có tiếng nói chung rồi dần dần không còn tình cảm; nguyên nhân khác là do mâu thuẫn giữa chị với mẹ chồng nên chị H với anh C hay cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị H hai bên gia đình đều biết, có động viên hàn gắn nhưng không được. Từ cuối năm 2012 vợ chồng chị H sống ly thân cho đến nay. H tại chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn anh C để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh C có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 06/10/2009, sức khỏe cháu bình thường hiện đang ở với chị (ở nhà mẹ ruột chị H). Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

Tại phiên tòa, anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Theo biên bản lấy khai ngày 07/9/2020 bị đơn anh Huỳnh Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lường Thị Bích H tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Q vào ngày 04/8/2009. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột anh C. Về mâu thuẫn vợ chồng, năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai. Từ khi bị tai nạn giao thông, chị H không quan tâm đến anh, tự ý mang con về nhà mẹ ruột ở nên anh và chị H sống ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng yêu cầu chị H giao con chung cho anh nuôi dưỡng và yêu cầu chia tài sản thì anh đồng ý ly hôn nếu không anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 06/10/2009; sức khỏe cháu bình thường hiện đang ở với chị H. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị Bích H.

- Về nuôi con chung:

+ Giao con chung Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 06/10/2009 cho chị Lường Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh C không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lường Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Huỳnh Văn C; trútại: thôn L, xã P, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q.

[1.2] Về vắng mặt bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C nhưng anh C không có mặt tại phiên toà, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chịLường Thị Bích H xin ly hôn anh Huỳnh Văn C, HĐXX nhận thấy:

Chị Lường Thị Bích H và anh Huỳnh Văn C tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn ngày 04/8/2009 tại UBND xã P, thành phố Q nên hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là hai bên sống không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn trách nhiệm gì với nhau. Nguyên nhân khác là do quan hệ giữa chị và mẹ chồng không được tốt nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại rồi dần dần vợ chồng không còn tình cảm. Mâu thuẫn giữa chị H và anh C cả hai gia đình đều biết, có động viên

hàn gắn nhưng không được; từ cuối năm 2012 vợ chồng ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, chị H mang con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay nên chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn anh C.

Về phía anh C khai nhận, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống; vợ chồng sống lạnh nhạt không ai quan tâm đến ai. Từ khi anh C bị tai nạn giao thông, chị H không chăm lo đến anh và tự ý mang con về nhà mẹ ruột sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Anh C xác định quan hệ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng anh C yêu cầu chị H giao con chung cho anh nuôi dưỡng và chia tài sản thì anh đồng ý ly hôn nếu không anh không đồng ý.

Xét thấy, lý do anh C không đồng ý ly hôn không phải anh còn tình cảm với chị H mà vì mục đích yêu cầu chị H giao con chung cho anh nuôi dưỡng và yêu cầu chia tài sản thì anh đồng ý ly hôn. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án anh C không đến Tòa để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng; điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí trong xây dựng hạnh phúc gia đình với chị H. Nhận thấy, tình cảm giữa chị H và anh C thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, khả năng hàn gắn là không được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 06/10/2009, sức khỏe cháu T bình thường hiện đang ở với chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; đồng thời anh C cũng yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn.

Việc giao con cho ai nuôi là phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh cha mẹ có đảm bảo cho sự phát triển bình thường của con hay không. Xét yêu yêu cầu được nuôi cháu T của chị H, HĐXX nhận thấy: Từ khi vợ chồng ly thân năm 2012 chị H mang cháu Thư về nhà ngoại ở, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay và cháu T có nguyện vọng là muốn ở với chị. Hiện tại chị H có chỗ ở và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi cháu T. Trong khi đó, mặc dù anh C có yêu cầu được nuôi cháu T nhưng anh C bị tai nạn giao thông từ năm 2012 hiện tại sức khỏe anh rất yếu và phải tiếp tục điều trị bệnh; ngoài ra, anh C chưa có việc làm từ khi bị tai nạn nên không đảm bảo thu nhập để nuôi cháu T. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lường Thị Bích H ly hôn anh Huỳnh Văn C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 06/10/2009cho chị Lường Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Lường Thị Bích H không yêu cầu Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lường Thị Bích H phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008340 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B (chị H đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND xã P, Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Quang Định